TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2022/DS-PT
Ngày 26 - 01 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê

Bà Huỳnh Ái Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ửng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2021 và ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số:125/QĐ-TA ngày 28/12/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 05/TB-TA ngày 20/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1983, có mặt;

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* 1. Bà Diệp Thị C, sinh năm 1957, vắng mặt;

2. Chị Bùi Thị Phiếu E, sinh năm 1983, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Bà Diệp Thị C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Trần Thị N trình bày:

Vào khoảng năm 2017, chị có cho bà Diệp Thị C vay số tiền 26.000.000 đồng do bà C nhận. Đến khoảng đầu năm 2018, chị cho chị Bùi Thị Phiếu E (là con dâu bà Chúc) vay số tiền 45.000.000 đồng do chị Phiếu E nhận (cả 02 lần vay bà C và chị Phiếu E đều có viết biên nhận cho chị), lúc vay có thỏa thuận lãi suất vay là 0,83%/tháng. Đến ngày 10/8/2018, chị tiếp tục cho bà C và chị Phiếu E vay số tiền 12.000.000 đồng, giữa chị và bà C cùng chị Phiếu E thống nhất ghi lại biên nhận mới là bà C và chị Phiếu E cùng nợ chị số tiền tổng cộng là 83.000.000 đồng, sau khi viết biên nhận tổng thì chị đã trả lại cho bà C và chị Phiếu E hai biên nhận vay trước đó nên chị không nhớ rõ ngày, tháng vay ở hai lần vay trước.

Khi vay tiền thì bà C và chị Phiếu E nói mục đích vay là để trả tiền Nhà nước và chăn nuôi tôm. Bà C và chị Phiếu E hứa sau khi vay được tiền của Nhà nước sẽ trả lại cho chị nhưng không nói ngày, tháng cụ thể. Quá trình vay thì bà C, Phiếu E có đóng lãi cho chị, lãi suất 0,83%/tháng/ số tiền vay và đã đóng lãi cho chị đến ngày 16/3/2019 thì không đóng lãi nữa. Sau đó, chị đã nhiều lần đòi bà C, chị Phiếu E trả tiền cho chị nhưng bà C, chị Phiếu E cứ hứa hẹn mà không chịu trả, từ đó xảy tranh chấp.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2020 chị khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà Diệp Thị C và chị Bùi Thị Phiếu E mỗi người trả ½ số tiền gốc là 41.500.000 đồng và tiền lãi 6.500.000 đồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị N thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà C và chị Phiếu E cùng trả cho chị số tiền gốc là 83.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/8/2018 và tiền lãi tính từ ngày 16/3/2019 đến 04/11/2020, mức lãi suất 0,83%/ tháng với số tiền lãi là 13.000.000 đồng. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Diệp Thị C và chị Bùi Thị Phiếu E vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có thể hiện nội dung:

- *Đối với bà Diệp Thị C*: Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020 và quá trình hòa giải bà Diệp Thị C thừa nhận vào năm 2016 bà có vay của chị N số tiền 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng), khi vay có ký biên nhận trong cuốn sổ do chị N giữ, mục đích vay là để chăn nuôi tôm với lãi suất là 10%/tháng. Sau đó, bà C có nhờ chị Phiếu E (con dâu của bà) vay của chị N thêm 5.000.000đ nữa. Tổng cộng 02 lần vay là 31.000.000đ (ba mươi mốt triệu đồng). Trong quá trình vay bà có nhiều lần trả lãi cho chị N nhưng không nhớ đã trả số tiền lãi cụ thể là bao nhiêu do không có ghi lại, nhưng cách ngày cho lời khai (ngày18/12/2020) là ngưng đóng lãi khoảng 02 năm 06 tháng. Số tiền trên do bà C vay, không liên quan đến chị Phiếu Em. Trước yêu cầu khởi kiện của chị N, bà thống nhất trả cho chị N số tiền bằng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) – trong này có 31.000.000đ vốn gốc và 19.000.000đ tiền lãi (tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm); Riêng đối với biên nhận 83.000.000 đồng ngày 10/8/2018, bà thừa nhận có ký tên và viết họ tên vào biên nhận nhưng đó là vốn nhập lãi nên bà không đồng ý trả số tiền này.

- *Đối với chị Phiếu Em:* Chị Phiếu E thừa nhận vào năm 2017, chị có đến gặp chị N để hỏi vay dùm cho mẹ chồng là bà Diệp Thị C số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), không có vay thêm số tiền nào khác. Do chị có nhận từ chị N số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nên chị đồng ý cùng bà C trả cho chị N số tiền vốn

gốc 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Đối với biên nhận với số tiền 83.000.000 đồng ngày 10/8/2018, chị thừa nhận chị là người trực tiếp viết theo yêu cầu của chị N và bà C sau khi 02 người thỏa thuận với nhau, chị có ký với tư cách là người làm chứng, không phải là người vay tiền nên chị không đồng ý cùng bà C trả số tiền này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 15 tháng 07 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 288, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ vào các Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

Buộc bà Diệp Thị C và chị Bùi Thị Phiếu E có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị N số tiền gốc 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng) và tiền lãi 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng). Tổng cộng 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 28 tháng 09 năm 2021, bà Diệp Thị C có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 15 tháng 07 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh theo hướng chỉ buộc bà Diệp Thị C trả cho chị Trần Thị N số tiền 50.000.000đ (trong đó có vốn gốc là 31.000.000đ và lãi là 19.000.000đ).

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Trần Thị N không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Diệp Thị C không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Diệp Thị C thừa nhận biên nhận đề ngày 10/8/2018 do bà ký và viết tên họ "Diệp Thị C", còn nội dung biên nhận do chị Phiếu E viết, số tiền trong biên nhận 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng) là bao gồm cả lãi nhập vốn. Bà đồng

ý trả số tiền vốn gốc thật mà bà vay của chị N là 31.000.000đ (Ba mươi mốt triệu đồng), còn lãi 19.000.000đ (mười chín triệu đồng) là do bà ước chừng, không dựa trên căn cứ nào. Một mình bà chịu trách nhiệm trả cho chị N, do chị Phiếu E không liên quan gì đến số nợ này.

Chị Bùi Thị Phiếu E thừa nhận biên nhận đề ngày 10/8/2018 với số tiền trong biên nhận 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng) do bà C và chị N kêu chị viết dùm sau khi chị N và bà C tự tính toán nợ với nhau. Chị N kêu chị ký vào biên nhận nên chị có ký tên và ghi họ tên "Bùi Thị Phiếu" nhưng chỉ với tư cách là người làm chứng. Theo chị biết thì số tiền trong biên nhận 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng) là bao gồm cả vốn nhập lãi, nhưng chị cũng không có chứng cứ gì để chứng minh, chị không liên quan đến số nợ này nên chị không đồng ý trả.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và kháng cáo của đương sự: Qua nghiên cứu toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Diệp Thị C và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy nội dung yêu cầu kháng cáo của bà C đã được tòa án cấp sơ thẩm xem xét làm rõ; bà C kháng cáo không cung cấp được chứng cứ gì mới, từ đó nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận khởi kiện của chị N, buộc bà C và chị Phiếu E phải có trách nhiệm trả cho chị N số tiền 83.000.000đ vốn gốc và 13.000.000đ tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 15 tháng 07 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/12/2021, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Diệp Thị C không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm mở lại vào ngày 26/01/2022, bà Diệp Thị C và chị Bùi Thị Phiếu E vắng mặt, không có gởi chứng cứ hay văn bản trình bày nào khác so với lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/12/2021. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh tụng của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] *Xét đơn kháng cáo của bà Diệp Thị C*: Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 15 tháng 07 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện bà Diệp Thị C và chị Bùi Thị Phiếu E vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo được tính cho bà C và chị Phiếu E là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Đến ngày 14/09/2021(BL 119-120) Tòa án nhân dân huyện C mới tống đạt bản án cho bà C và chị Phiếu E (do tỉnh Trà Vinh thực hiện nghỉ giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CP của Chính phủ để phòng chống dịch bệnh Covid -19 từ ngày

19/7/2021 đến hết ngày 13/09/2021), đến ngày 28/09/2021, bà C nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Xét nội dung kháng cáo của bà Diệp Thị C, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng*:

[2.1] Khi khởi kiện chị N có cung cấp cho Toà án 01 biên nhận đề ngày 10/8/2018 do bà C và chị Phiếu E ghi biên nhận nợ thể hiện số tiền bà C và chị Phiếu E cùng nợ của chị N là 83.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị N, bà C và chị Phiếu E khai có cùng nội dung vào khoảng từ năm 2016 đến năm 2017, chị N có cho bà C và chị Phiếu E vay tiền nhiều lần, nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ, chứng minh số tiền bà C và chị Phiếu E nhận từng lần là bao nhiêu và bị đơn không thừa nhận việc này nên không có cơ sở chứng minh số tiền cụ thể mà bà Chúc, chị Phiếu E đã vay của chị N là bao nhiêu để xem xét nghĩa vụ thanh toán nợ của từng người. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm có ra Quyết định yêu cầu bà C và chị Phiếu E cung cấp chứng cứ chứng minh trong khoảng tiền nợ này có bao nhiêu vốn, bao nhiêu lãi nhưng phía bị đơn không chứng minh được nên không có cơ sở xem xét theo yêu cầu của đồng bị đơn.

Để xem xét một cách thấu tình đạt lý, Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã tạm ngừng phiên tòa để tạo điều kiện cho bà C và chị Phiếu E cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, đồng thời cũng đã ra phiếu mượn hồ sơ thụ lý số 84/TLST-DS ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, đã xét xử liên quan đến vụ vay khác giữa chị N với bà C để xem xét, nhưng cũng không có cơ sở nào chứng minh số tiền 83.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/08/2018 là bao gồm lãi nhập vốn.

Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể xem xét chấp nhận kháng cáo của bà Diệp Thị C được.

[2.1] *Xét về lãi xuất*: Nguyên đơn chị Trần Thị N thừa nhận đã nhận lãi của bà C và chị Phiếu E đến ngày 16/03/2019, nên mức lãi suất sẽ được tính từ ngày 17/03/2019 đến 04/11/2020 là 19 tháng 17 ngày x 83.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 13.479.476 đồng, nhưng chị N chỉ yêu cầu trả số tiền lãi bằng 13.000.000 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, chị Trần Thị N yêu cầu cấp phúc thẩm tính thêm cho chị lãi xuất từ ngày 05/11/2020 đến ngày xét xử phúc thẩm là vượt quá khởi kiện ban đầu, vì tại đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, chị N chỉ yêu cầu tính lãi đến hết ngày 04/11/2020, không có yêu cầu gì thêm, nên cấp phúc thẩm không thể xem xét vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của đương sự nên không có cở sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất phát sinh.

[3] Từ những nhận định và căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Toà án cấp sơ thẩm buộc bà C và chị Phiếu E cùng có nghĩa vụ liên đới

trả cho chị N số tiền 83.000.000 đồng tiền gốc và 13.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng bằng 96.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Diệp Thị C là người cao tuổi và có làm đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ vào các Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định chấp nhận cho bà C được miễn án phí phúc thẩm.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm hôm nay đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Diệp Thị C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 15 tháng 07 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

- Buộc bà Diệp Thị C và chị Bùi Thị Phiếu E có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị N số tiền 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng). Trong đó:

+ Vốn gốc 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng)

+ Lãi: 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc chị Bùi Thị Phiếu E phải chịu 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí. Bà Diệp Thị C được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị N không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002732 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Diệp Thị C.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Kim Châu